

## TỜ TRÌNH

**Đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích Doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (sau đây gọi là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP); UBND tỉnh đề nghị Thường trực HĐND tỉnh thống nhất việc xây dựng Nghị quyết Quy định về một số chính sách đặc thù khuyến khích Doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, với nội dung như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

#### 1. Căn cứ pháp lý

- Điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (có hiệu lực từ ngày 17/4/2018 và thay thế Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn).

- Điểm b khoản 3 Điều 17 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ.

#### 2. Sự cần thiết ban hành

- Một số nội dung chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư quy định tại Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 15/7/2016 của HĐND tỉnh về ưu đãi, hỗ trợ và thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được xây dựng trên cơ sở căn cứ Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ (đã hết hiệu lực) nên không còn phù hợp.

- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 17/4/2018 và thay thế Nghị định 210/2013/NĐ-CP; vì vậy, việc triển khai xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh là cần thiết và đảm bảo đúng quy định tại điểm a Điều 19 của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

- Nội dung Nghị quyết mới được xây dựng trên cơ sở: Kế thừa, điều

chính một số nội dung liên quan đến hỗ trợ đầu tư quy định tại Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND và Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND tỉnh; cụ thể hóa quy định chính sách hỗ trợ tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, vốn cấp bù lãi suất hỗ trợ cho các dự án và mức vốn sử dụng ngân sách địa phương để đảm bảo thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp quy định tại Điều 14 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP; quy định về điều kiện để được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ của dự án đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP. Nghị quyết mới sẽ hỗ trợ về chính sách đối với các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo hướng đặc thù, tạo động lực thúc đẩy và thu hút, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và quy định về đối tượng thụ hưởng của chính sách theo hướng áp dụng cho cả Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở kế thừa của nội dung Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 15/7/2016 của HĐND tỉnh.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN**

### **1. Mục đích**

Để triển khai thực hiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, tạo điều kiện thu hút và hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ về thu hút đầu tư các dự án của doanh nghiệp vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trong phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh, nhất là ở khu vực nông thôn.

Phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương trong quá trình thu hút đầu tư, tranh thủ nguồn lực xã hội vào đầu tư các dự án của lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo hướng tập trung, bền vững, mang lại giá trị thương mại cao cho các mặt hàng nông sản của tỉnh. Đồng thời, phát huy giá trị quỹ đất nông nghiệp, tạo điều kiện nâng cao về thu nhập và giải quyết việc làm cho lực lượng lao động tại địa phương.

### **2. Quan điểm**

- Chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đảm bảo đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP và các chính sách pháp luật có liên quan.

- Chính sách đặc thù được quy định về nội dung hỗ trợ có trọng tâm là xây dựng với định mức hỗ trợ hợp lý, tập trung, hiệu quả, phù hợp với nguồn lực và khả năng thực tế tình hình thực hiện ngân sách của địa phương.

- Điều kiện để được nhận hỗ trợ của các chính sách trong Nghị quyết phù hợp với quy định của Trung ương và của tỉnh, khả năng tiếp cận các nguồn lực và đầu tư dự án của Doanh nghiệp được thuận lợi, minh bạch và các đối tượng thụ hưởng của chính sách hỗ trợ được khuyến khích để phát triển theo hướng ổn định, bền vững, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

## **III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT**

## **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ, khuyến khích đầu tư đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và theo quy định tại chính sách này.

## **2. Đối tượng áp dụng**

a) Các doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật Hợp tác xã (*sau đây gọi tắt là doanh nghiệp*) và có dự án đầu tư quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ và quy định tại chính sách này.

## **IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Về tiếp cận, hỗ trợ tín dụng**

Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được ngân sách địa phương hỗ trợ lãi suất vay thương mại sau khi dự án đã thi công hoàn thành và đưa vào vận hành sản xuất như sau:

a) Mức hỗ trợ: Bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ.

- Mức lãi suất vay thương mại tối đa dùng để tính chênh lệch lãi suất so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư là lãi suất cho vay thương mại thấp nhất cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ của các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh, có hoạt động cho vay vốn phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Trường hợp doanh nghiệp vay ngân hàng thương mại có lãi suất thấp hơn mức lãi suất nêu trên thì được sử dụng mức lãi suất vay thực tế của doanh nghiệp để tính chênh lệch lãi suất hỗ trợ.

- Mức lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư làm căn cứ để tính chênh lệch lãi suất là mức lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư cho vay áp dụng cho cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ theo quy định về tín dụng đầu tư của Nhà nước.

b) Thời gian hỗ trợ lãi suất đối với từng khoản vay tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại:

- Tối đa 08 năm đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư; tối đa 06 năm đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư; tối đa 05 năm đối với dự án

nông nghiệp khuyến khích đầu tư. Trường hợp dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập thì thời gian hỗ trợ lãi suất là 08 năm.

- Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm.

c) Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 70% tổng chi phí đầu tư của dự án.

d) Phương thức hỗ trợ: Ngân sách cấp hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp hàng năm từ sau khi dự án đầu tư hoàn thành đưa vào vận hành, khai thác, khi doanh nghiệp có đầy đủ hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất theo quy định.

đ) Các trường hợp không được hỗ trợ lãi suất:

- Dự án không thực hiện hoàn thành; lãi suất phát sinh trong thời gian dự án chậm tiến độ so với thời hạn quy định trong quyết định chủ trương đầu tư.

- Thời gian dự án vận hành khai thác đạt dưới 70% quy mô công suất của dự án.

- Các khoản lãi vay quá hạn, lãi vay của các khoản vốn vay không đầu tư cho dự án.

\* *Giải pháp thực hiện:* Thực hiện hỗ trợ về chính sách tín dụng đối với loại hình dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa tỉnh Quảng Ngãi và đảm bảo đáp ứng các điều kiện được hỗ trợ theo quy định.

## **2. Hỗ trợ đầu tư sản xuất nông nghiệp hữu cơ**

Hỗ trợ đầu tư đối với dự án sản xuất nông nghiệp hữu cơ trong lĩnh vực trồng trọt như sau:

a) Mức hỗ trợ: 50 triệu đồng/ha, nhưng không quá 05 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng, điện, thiết bị, hệ thống tưới và xử lý môi trường.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Diện tích sản xuất nông nghiệp hữu cơ từ 03 ha trở lên;

- Dự án đầu tư sản xuất nông nghiệp hữu cơ phải đáp ứng Tiêu chuẩn quốc gia về nông nghiệp hữu cơ.

\* *Giải pháp thực hiện:* Hỗ trợ về chi phí đầu tư dự án đối với loại hình dự án của doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp hữu cơ trong lĩnh vực trồng trọt theo mục tiêu, quy mô của dự án và đảm bảo đáp ứng các điều kiện được hỗ trợ theo quy định.

## **3. Hỗ trợ đầu tư trồng rau, củ, quả, nấm an toàn**

a) Mức hỗ trợ: 60% chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, điện, thiết bị, nhà xưởng, hệ thống tưới và xử lý môi trường nhưng không quá 1,5 tỷ đồng/dự án.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Diện tích trồng rau, củ, quả an toàn từ 03 ha trở lên hoặc từ 2.000 m<sup>2</sup> nhà lồng (nhà kính, nhà lưới, nhà màng) trở lên hoặc từ 1.000 m<sup>2</sup> nhà trồng nấm an toàn trở lên (kể cả diện tích liên kết sản xuất với các hộ dân).

- Dự án đầu tư đáp ứng tiêu chí dự án nông nghiệp sạch quy định tại Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc đáp ứng Tiêu chuẩn quốc gia về nông nghiệp hữu cơ.

\* *Giải pháp thực hiện:* Hỗ trợ về chi phí đầu tư dự án đối với loại hình dự án của doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực trồng rau, củ, quả, đảm bảo an toàn theo mục tiêu, quy mô của dự án và đảm bảo đáp ứng các điều kiện được hỗ trợ theo quy định.

## V. DỰ KIẾN NGUỒN VỐN VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THI HÀNH

### 1. Nguồn vốn hỗ trợ

a) Đối với hỗ trợ lãi suất thì sử dụng nguồn vốn sự nghiệp chi thường xuyên; đối với hỗ trợ vốn đầu tư các dự án thì sử dụng nguồn vốn đầu tư.

b) Nguồn vốn hỗ trợ gồm ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và lồng ghép từ các chương trình, dự án khác theo Điều 14 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 5 Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

UBND tỉnh lập kế hoạch vốn trung hạn và hàng năm nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và cân đối bố trí lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác để thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ các dự án đầu tư theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết này.

### 2. Điều kiện bảo đảm thi hành

Thực hiện theo khoản 2 Điều 19 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.

## VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH

Kỳ họp thường kỳ giữa năm 2020 của HĐND tỉnh khóa XII.

Đề nghị Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

*(Kèm theo Tờ trình này bao gồm: (1). Báo cáo đánh giá tác động Nghị quyết của HĐND tỉnh; (2). Dự thảo Nghị quyết; (3) Các tài liệu khác có liên quan)./.*

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế ngân sách HĐND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp;
- VPUB: CVP, PCVP(NN), KT, TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(tnh29).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng